

Số: 603/QĐ-ĐHXDMT

Phủ Yên, ngày 29 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp trình độ đại học lớp D19K1, D20KXC1, D20QXC1, D20KDC1, D20KDC5 và đại học các khóa trước, hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg ngày 31/05/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐT ngày 28/10/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung;

Căn cứ Quyết định số 243/QĐ-ĐHXDMT ngày 24/5/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung;

Căn cứ Quyết định số 245/QĐ-ĐHXDMT ngày 14/7/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về việc ban hành Quy chế Đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung;

Căn cứ Quyết định số 171/QĐ-ĐHXDMT ngày 19/02/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về việc kiện toàn Hội đồng tốt nghiệp năm học 2023 - 2024;

Căn cứ biên bản họp xét công nhận tốt nghiệp ngày 26/7/2024 của Hội đồng tốt nghiệp;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Quản lý Đào tạo Trường Đại học Xây dựng Miền Trung.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Kiến trúc sư cho 17 sinh viên đại học lớp D19K1 vì đã hoàn thành chương trình đào tạo theo Quy chế.

(Có tên trong danh sách kèm theo)



2. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Cử nhân cho **68** sinh viên đại học lớp D20KXC1, D20QXC1, D20KDC1, D20KDC5 và sinh viên đại học các khóa trước vì đã hoàn thành chương trình đào tạo theo Quy chế.

(Có tên trong danh sách kèm theo)

3. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Kỹ sư cho **03** sinh viên đại học các khóa trước vì đã hoàn thành chương trình đào tạo theo Quy chế.

(Có tên trong danh sách kèm theo)

4. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Tốt nghiệp Đại học cho **04** sinh viên đại học các khóa trước vì đã hoàn thành chương trình đào tạo theo Quy chế.

(Có tên trong danh sách kèm theo)

Điều 2. Trưởng các đơn vị và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ban Giám hiệu;
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Bộ Xây dựng (để b/c);
- Lưu: VT, QLĐT.



**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TS. Lê Đức Thường





DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG KIẾN TRÚC SƯ

(Kèm theo Quyết định số: 603/QĐ-ĐHXDMT, ngày 29 tháng 7 năm 2024)

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TBCTL	Số TCTL	Xếp hạng tốt nghiệp	Lớp	Ngày nhập học	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Hình thức đào tạo	Thời gian đào tạo	Ngôn ngữ đào tạo	Loại bằng	Số Quyết định	Ngày QĐ (ngày in bảng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
A. Ngành Kiến trúc sư																					
I. Tổng số 17/26 sinh viên thực hiện DATN theo QĐ số 1102/QĐ-ĐHXDMT ngày 26/12/2023																					
1	1	19DQ5801011011	Lê Thị Nhị	Nữ	20/01/2001	Phú Yên	3.63	160	Xuất sắc	D19K1	19/08/2019	Kiến trúc	Kiến trúc công trình	Đại học	Chính quy	2019 - 2024	Tiếng Việt	Kiến trúc sư	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024	
2	2	19DQ5801011023	Đỗ Trung Tín	Nam	10/11/2001	Gia Lai	3.53	160	Giỏi	D19K1	19/08/2019	Kiến trúc	Kiến trúc công trình	Đại học	Chính quy	2019 - 2024	Tiếng Việt	Kiến trúc sư	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024	
3	3	19DQ5801011029	Huỳnh Tấn Viên	Nam	10/08/2001	Quảng Ngãi	3.41	160	Giỏi	D19K1	19/08/2019	Kiến trúc	Kiến trúc công trình	Đại học	Chính quy	2019 - 2024	Tiếng Việt	Kiến trúc sư	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024	
4	4	19DQ5801011006	Trần Thanh Hùng	Nam	09/10/2000	Quảng Ngãi	3.35	160	Giỏi	D19K1	19/08/2019	Kiến trúc	Kiến trúc công trình	Đại học	Chính quy	2019 - 2024	Tiếng Việt	Kiến trúc sư	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024	
5	5	19DQ5801011032	Võ Ngọc Trai	Nam	29/10/2001	Phú Yên	3.25	160	Giỏi	D19K1	19/08/2019	Kiến trúc	Kiến trúc công trình	Đại học	Chính quy	2019 - 2024	Tiếng Việt	Kiến trúc sư	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024	
6	6	19DQ5801011015	Nguyễn Công Thắng	Nam	13/08/2001	Khánh Hòa	3.25	160	Giỏi	D19K1	19/08/2019	Kiến trúc	Kiến trúc công trình	Đại học	Chính quy	2019 - 2024	Tiếng Việt	Kiến trúc sư	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024	
7	7	19DQ5801011002	Huỳnh Kim Hoàng Em	Nam	15/02/2001	Phú Yên	3.25	160	Giỏi	D19K1	19/08/2019	Kiến trúc	Kiến trúc công trình	Đại học	Chính quy	2019 - 2024	Tiếng Việt	Kiến trúc sư	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024	
8	8	19DQ5801011027	Huỳnh Hải Tú	Nữ	27/06/2001	Khánh Hòa	3.21	160	Giỏi	D19K1	19/08/2019	Kiến trúc	Kiến trúc công trình	Đại học	Chính quy	2019 - 2024	Tiếng Việt	Kiến trúc sư	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024	
9	9	19DQ5801011018	Cao Xuân Thanh	Nam	02/03/2001	Phú Yên	3.04	160	Khá	D19K1	19/08/2019	Kiến trúc	Kiến trúc công trình	Đại học	Chính quy	2019 - 2024	Tiếng Việt	Kiến trúc sư	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024	
10	10	19DQ5801011024	Nguyễn Lê Ngọc Toàn	Nam	12/06/2001	Phú Yên	2.98	160	Khá	D19K1	19/08/2019	Kiến trúc	Kiến trúc công trình	Đại học	Chính quy	2019 - 2024	Tiếng Việt	Kiến trúc sư	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024	
11	11	19DQ5801011016	Huỳnh Bùi Duy Thắng	Nam	05/06/1997	Phú Yên	2.95	160	Khá	D19K1	19/08/2019	Kiến trúc	Kiến trúc công trình	Đại học	Chính quy	2019 - 2024	Tiếng Việt	Kiến trúc sư	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024	
12	12	19DQ5801011031	Phạm Thị Suối	Nữ	19/05/2001	Quảng Ngãi	2.95	160	Khá	D19K1	19/08/2019	Kiến trúc	Kiến trúc công trình	Đại học	Chính quy	2019 - 2024	Tiếng Việt	Kiến trúc sư	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024	
13	13	19DQ5801011025	Nguyễn Trọng Triều	Nam	20/05/2001	Bình Định	2.86	160	Khá	D19K1	19/08/2019	Kiến trúc	Kiến trúc công trình	Đại học	Chính quy	2019 - 2024	Tiếng Việt	Kiến trúc sư	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024	
14	14	19DQ5801011030	Phạm Ngọc Anh	Nam	06/06/2001	Quảng Bình	2.80	160	Khá	D19K1	19/08/2019	Kiến trúc	Kiến trúc công trình	Đại học	Chính quy	2019 - 2024	Tiếng Việt	Kiến trúc sư	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024	
15	15	19DQ5801011026	Nguyễn Quốc Trung	Nam	05/08/2001	Phú Yên	2.79	160	Khá	D19K1	19/08/2019	Kiến trúc	Kiến trúc công trình	Đại học	Chính quy	2019 - 2024	Tiếng Việt	Kiến trúc sư	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024	
16	16	19DQ5801011007	Lê Quang Khải	Nam	05/08/2001	Phú Yên	2.77	160	Khá	D19K1	19/08/2019	Kiến trúc	Kiến trúc công trình	Đại học	Chính quy	2019 - 2024	Tiếng Việt	Kiến trúc sư	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024	
17	17	19DQ5801011010	Huỳnh Thị Sa My	Nữ	16/04/2001	Khánh Hòa	2.71	160	Khá	D19K1	19/08/2019	Kiến trúc	Kiến trúc công trình	Đại học	Chính quy	2019 - 2024	Tiếng Việt	Kiến trúc sư	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024	

Tổng số: 17 sinh viên

(Handwritten signature)

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN

(Kèm theo Quyết định số: 603/QĐ-ĐHXDMT, ngày 29 tháng 7 năm 2024)

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TBCTL	Số TCTL	Xếp hạng tốt nghiệp	Lớp	Ngày nhập học	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Hình thức đào tạo	Thời gian đào tạo	Ngôn ngữ đào tạo	Loại bằng	Số Quyết định	Ngày QĐ (ngày in bằng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
A. Ngành Kinh tế xây dựng																					
I. Tổng số 20/35 sinh viên thực hiện ĐATN theo QĐ số: 274/QĐ-ĐHXDMT ngày 04/4/2024																					
1	1	20DQ5803011019	Phạm Văn Nguyễn	Quy	Nam	21/02/1995	Phù Yên	3.62	129	Xuất sắc	D20KXC1	22/12/2020	Kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
2	2	20DQ5803011050	Nguyễn Thị Lê	Huyền	Nữ	08/06/2002	Quảng Ngãi	3.37	129	Giỏi	D20KXC1	22/12/2020	Kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
3	3	20DQ5803011018	Nguyễn Thị Hồng	Phuong	Nữ	04/11/2000	Phù Yên	3.32	129	Giỏi	D20KXC1	22/12/2020	Kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
4	4	20DQ5803011028	Nguyễn Thị Ngọc	Triệu	Nữ	13/05/2002	Phù Yên	3.27	129	Giỏi	D20KXC1	22/12/2020	Kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
5	5	20DQ5803011045	Huỳnh Thị Mỹ	Phù	Nữ	20/12/2002	Phù Yên	3.25	129	Giỏi	D20KXC1	22/12/2020	Kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
6	6	20DQ5803011004	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	19/11/2002	Phù Yên	3.12	129	Khá	D20KXC1	22/12/2020	Kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
7	7	20DQ5803011013	Biên Sin	My	Nữ	10/05/2002	Phù Yên	3.03	129	Khá	D20KXC1	22/12/2020	Kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
8	8	20DQ5803011053	Lê Thị Hồng	Nhung	Nữ	25/08/2002	Hà Tĩnh	3.01	129	Khá	D20KXC1	22/12/2020	Kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
9	9	20DQ5803011014	Lê Thị Yến	Nhi	Nữ	12/11/2002	Phù Yên	2.95	129	Khá	D20KXC1	22/12/2020	Kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
10	10	20DQ5803011052	Phạm Đức	Nguyễn	Nam	09/01/2001	Phù Yên	2.92	129	Khá	D20KXC1	22/12/2020	Kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
11	11	20DQ5803011010	Phạm Thị Trúc	Mi	Nữ	14/12/2002	Phù Yên	2.87	129	Khá	D20KXC1	22/12/2020	Kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
12	12	20DQ5803011015	Đoàn Thị Hồng	Nhi	Nữ	20/02/2002	Phù Yên	2.81	129	Khá	D20KXC1	22/12/2020	Kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
13	13	20DQ5803011061	Nguyễn Thị Thủy	Dung	Nữ	25/09/2002	Phù Yên	2.72	129	Khá	D20KXC1	22/12/2020	Kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
14	14	20DQ5803011024	Lê Anh	Tuấn	Nam	15/03/2002	Phù Yên	2.60	129	Khá	D20KXC1	22/12/2020	Kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
15	15	20DQ5803011022	Trần Ngọc Anh	Toàn	Nam	28/12/2001	Phù Yên	2.53	129	Khá	D20KXC1	22/12/2020	Kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
16	16	20DQ5803011020	Vô	Sony	Nam	13/06/2002	Phù Yên	2.52	129	Khá	D20KXC1	22/12/2020	Kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
17	17	20DQ5803011037	Trần Quang Trung	Trường	Nam	02/05/2001	Phù Yên	2.49	129	Trung bình	D20KXC1	22/12/2020	Kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
18	18	20DQ5803011041	Phạm Thị Xuân	Thủy	Nữ	11/08/2002	Phù Yên	2.42	129	Trung bình	D20KXC1	22/12/2020	Kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
19	19	20DQ5803011027	Phạm Thị Cẩm	Thủy	Nữ	23/09/2002	Phù Yên	2.34	129	Trung bình	D20KXC1	22/12/2020	Kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
20	20	20DQ5803011023	Trần Quốc	Toàn	Nam	19/11/1999	Phù Yên	2.24	129	Trung bình	D20KXC1	22/12/2020	Kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
B. Ngành Quản lý xây dựng																					
I. Tổng số 02/35 sinh viên thực hiện ĐATN theo QĐ số: 274/QĐ-ĐHXDMT ngày 04/4/2024																					
21	1	20DQ5803021005	Ngô Hà	My	Nữ	03/05/2002	Phù Yên	2.63	129	Khá	D20QXC1	22/12/2020	Quản lý xây dựng	Quản lý xây dựng	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
22	2	20DQ5803021003	Trần Văn	Hóa	Nam	27/07/2002	Phù Yên	2.47	129	Trung bình	D20QXC1	22/12/2020	Quản lý xây dựng	Quản lý xây dựng	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
C. Ngành Kế toán																					
I. Tổng số 46/50 sinh viên thực hiện ĐATN theo QĐ số: 363/QĐ-ĐHXDMT ngày 26/4/2024																					
23	1	20DQ3403012046	Đoàn Thị Kim	Anh	Nữ	17/05/2002	Phù Yên	3.62	129	Xuất sắc	D20KDC1	22/12/2020	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
24	2	20DQ3403012027	Nguyễn Thị Thúy	Sang	Nữ	20/11/2001	Phù Yên	3.52	129	Giỏi	D20KDC1	22/12/2020	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
25	3	20DQ3403011004	Trần Bích	Tuyền	Nữ	30/07/2002	Phù Yên	3.43	129	Giỏi	D20KDC1	22/12/2020	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
26	4	20DQ3403012007	Hồ Thị Mỹ	Hoa	Nữ	24/07/2002	Phù Yên	3.26	129	Giỏi	D20KDC1	22/12/2020	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024



STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TBCTL	Số TCTL	Xếp hạng tốt nghiệp	Lớp	Ngày nhập học	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Hình thức đào tạo	Thời gian đào tạo	Ngôn ngữ đào tạo	Loại bằng	Số Quyết định	Ngày QĐ (ngày in bảng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
27	5	20DQ3403012039	Phùng Thị Minh	Trần	Nữ	29/03/2002	Phù Yên	3.21	129	Giỏi	D20KDC1	22/12/2020	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
28	6	20DQ3403012031	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	09/09/2002	Phù Yên	3.17	129	Khá	D20KDC1	22/12/2020	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
29	7	20DQ3403012011	Nguyễn Thị Hoàng	Khuyên	Nữ	22/04/2002	Phù Yên	3.01	129	Khá	D20KDC1	22/12/2020	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
30	8	20DQ3403012051	Võ Thị Thủy	Na	Nữ	15/12/2002	Phù Yên	3.00	129	Khá	D20KDC1	22/12/2020	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
31	9	20DQ3403012042	Nguyễn Thủy Thanh	Trúc	Nữ	26/02/2002	Phù Yên	2.99	129	Khá	D20KDC1	22/12/2020	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
32	10	20DQ3403011009	Võ Thị Minh	Thư	Nữ	20/11/2002	Phù Yên	2.98	129	Khá	D20KDC1	22/12/2020	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
33	11	20DQ3403011002	Phạm Hồng	Mỹ	Nữ	16/04/2002	Phù Yên	2.97	129	Khá	D20KDC1	22/12/2020	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
34	12	20DQ3403012005	Võ Quang Ngọc	Hân	Nữ	01/01/2001	Phù Yên	2.88	129	Khá	D20KDC1	22/12/2020	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
35	13	20DQ3403012014	Lê Thị Mỹ	Linh	Nữ	20/10/2002	Phù Yên	2.87	129	Khá	D20KDC1	22/12/2020	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
36	14	20DQ3403012053	Trần Thị Thanh	Tuyền	Nữ	12/11/2001	Phù Yên	2.81	129	Khá	D20KDC1	22/12/2020	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
37	15	20DQ3403012048	Lê Thị Huỳnh	Hop	Nữ	15/08/2002	Phù Yên	2.81	129	Khá	D20KDC1	22/12/2020	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
38	16	20DQ3403012049	Nguyễn Hiếu	Viên	Nữ	16/06/2002	Phù Yên	2.72	129	Khá	D20KDC1	22/12/2020	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
39	17	20DQ3403012050	Nguyễn Đào Cẩm	Nhung	Nữ	12/08/2002	Phù Yên	2.68	129	Khá	D20KDC1	22/12/2020	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
40	18	20DQ3403011003	Cao Như	Quỳnh	Nữ	23/01/2002	Phù Yên	2.66	129	Khá	D20KDC1	22/12/2020	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
41	19	20DQ3403011006	Ngô Thị Diễm	Thúy	Nữ	26/04/2002	Phù Yên	2.61	129	Khá	D20KDC1	22/12/2020	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
42	20	20DQ3403012023	Đặng Thị Quỳnh	Như	Nữ	22/06/2002	Phù Yên	2.59	129	Khá	D20KDC1	22/12/2020	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
43	21	20DQ3403012019	Nguyễn Đoàn Bích	Ngọc	Nữ	04/12/2002	Phù Yên	2.50	129	Khá	D20KDC1	22/12/2020	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
44	22	20DQ3403012024	Hà Trúc	Như	Nữ	08/04/2002	Phù Yên	2.47	129	Trung bình	D20KDC1	22/12/2020	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
45	23	20DQ3403012044	Lưu Khánh	Vy	Nữ	18/06/2002	Phù Yên	2.40	129	Trung bình	D20KDC1	22/12/2020	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
46	24	20DQ3403012025	Huỳnh Tổ	Như	Nữ	15/04/2001	Phù Yên	2.38	129	Trung bình	D20KDC1	22/12/2020	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
47	25	20DQ3403012072	Trần Thị Mộng	Xuân	Nữ	06/03/2002	Phù Yên	3.84	129	Xuất sắc	D20KDC5	22/12/2020	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
48	26	20DQ3403012041	Nguyễn Công	Trình	Nam	22/10/2000	Phù Yên	3.70	129	Xuất sắc	D20KDC5	22/12/2020	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
49	27	20DQ3403012062	Dương Bích	Vy	Nữ	30/07/2002	Phù Yên	3.66	129	Xuất sắc	D20KDC5	22/12/2020	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
50	28	20DQ3403012043	Võ Thị Cẩm	Vy	Nữ	01/09/2002	Phù Yên	3.40	129	Giỏi	D20KDC5	22/12/2020	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
51	29	20DQ3403012070	Huỳnh Thị Diễm	Kiểu	Nữ	23/10/2002	Phù Yên	3.40	129	Giỏi	D20KDC5	22/12/2020	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
52	30	20DQ3403012069	Nguyễn Thị Kim	Chi	Nữ	02/06/2002	Phù Yên	3.36	129	Giỏi	D20KDC5	22/12/2020	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
53	31	20DQ3403012012	Nguyễn Thị	Lánh	Nữ	03/07/2000	Phù Yên	3.21	129	Giỏi	D20KDC5	22/12/2020	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
54	32	20DQ3403012066	Lê Huy	Hậu	Nam	01/01/2000	Phù Yên	3.15	129	Khá	D20KDC5	22/12/2020	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
55	33	20DQ3403012017	Lê Thị Linh	Nga	Nữ	18/07/2000	Thanh Hóa	3.10	129	Khá	D20KDC5	22/12/2020	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
56	34	20DQ3403012035	Phạm Thị Thanh	Thúy	Nữ	20/07/2001	Phù Yên	3.03	129	Khá	D20KDC5	22/12/2020	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
57	35	20DQ3403012010	Trần Kim	Khôi	Nam	10/11/2002	Phù Yên	2.97	129	Khá	D20KDC5	22/12/2020	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
58	36	20DQ3403012001	Trần Thị Mỹ	Hương	Nữ	01/08/2002	Phù Yên	2.97	129	Khá	D20KDC5	22/12/2020	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
59	37	20DQ3403012032	Huỳnh Thị Mỹ	Tho	Nữ	09/11/2002	Phù Yên	2.93	129	Khá	D20KDC5	22/12/2020	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
60	38	20DQ3403012061	Nguyễn Thị Kim	Lài	Nữ	30/10/2002	Phù Yên	2.91	129	Khá	D20KDC5	22/12/2020	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024

ẤY
ƯỜNG
HỌC
DÙNG
TRUNG

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TBCTL	Số TCTL	Xếp hạng tốt nghiệp	Lớp	Ngày nhập học	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Hình thức đào tạo	Thời gian đào tạo	Ngôn ngữ đào tạo	Loại bằng	Số Quyết định	Ngày QĐ (ngày in bằng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
61	39	20DQ3403012040	Hồ Thị Thu	Trình	Nữ	22/03/2002	Phù Yên	2.87	129	Khá	D20KDC5	22/12/2020	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
62	40	20DQ3403012036	Huỳnh Thị Minh	Thư	Nữ	03/09/2001	Phù Yên	2.83	129	Khá	D20KDC5	22/12/2020	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
63	41	20DQ3403012045	Lâm Thị Việt	Trình	Nữ	20/06/2002	Phù Yên	2.78	129	Khá	D20KDC5	22/12/2020	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
64	42	20DQ3403012067	Trần Lê	Linh	Nữ	06/12/2002	Phù Yên	2.77	129	Khá	D20KDC5	22/12/2020	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
65	43	20DQ3403012006	Ngô Thị Khánh	Hiền	Nữ	12/03/2002	Phù Yên	2.58	129	Khá	D20KDC5	22/12/2020	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	Đại học	Chính quy	2020 - 2024	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
66	44	18DQ3403010043	Nguyễn Thị Kiều	Trình	Nữ	19/10/2000	Phù Yên	2.30	124	Trung bình	D18KT1	16/08/2018	Kế toán	Kế toán xây dựng cơ bản	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
67	45	19DQ3403011007	Nguyễn Lê Quý	Đôn	Nam	08/08/2001	Phù Yên	2.50	130	Khá	D19KT1	19/08/2019	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	Đại học	Chính quy	2019 - 2023	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
68	46	19DQ3403011039	Ksor Y	Sáu	Nam	06/02/1997	Phù Yên	2.25	130	Trung bình	D19KT1	19/08/2019	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	Đại học	Chính quy	2019 - 2023	Tiếng Việt	Cử nhân	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024

Tổng số: 68 sinh viên

ĐÚNG



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG KỸ SƯ

(Kèm theo Quyết định số: 603/QĐ-ĐHXDMT, ngày 29 tháng 7 năm 2024)

STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TBCTL	Số TCTL	Xếp hạng tốt nghiệp	Lớp	Ngày nhập học	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Hình thức đào tạo	Thời gian đào tạo	Ngôn ngữ đào tạo	Loại bằng	Số Quyết định	Ngày QĐ (ngày in bằng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
A. Ngành Kinh tế xây dựng																					
I. Tổng số 01/35 sinh viên thực hiện ĐA/KLTN theo QĐ số: 274/QĐ-ĐHXDMT ngày 04/4/2024																					
1	I	19DQ5803011007	Phạm Thanh Hùng	Nam	07/04/2001	Phù Yên	2.19	150	Trung bình	D19KX3	19/08/2019	Kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng	Đại học	Chính quy	2019-2024	Tiếng Việt	Kỹ sư	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024	
II. Tổng số 01/04 sinh viên thực hiện ĐA/KLTN theo QĐ số: 365/QĐ-ĐHXDMT ngày 26/4/2024																					
2	I	19DQ5803011029	Nguyễn Hải Win	Nam	09/09/2001	Đắk Lắk	2.27	150	Trung bình	D19KX3	19/08/2019	Kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng	Đại học	Chính quy	2019-2024	Tiếng Việt	Kỹ sư	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024	
B. Ngành Kỹ thuật xây dựng																					
I. Sinh viên xét chuẩn đầu ra																					
3	I	21DL5802011012	Nguyễn Thanh Lâm	Nam	10/08/1991	Phù Yên	2.95	150	Khá	D21XDK5	10/12/2021	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2021-2024	Tiếng Việt	Kỹ sư	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024	

Tổng số: 3 sinh viên

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số: 603/QĐ-ĐHXDMT, ngày 29 tháng 7 năm 2024)



STT	TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TBCTL	Số TCTL	Xếp hạng tốt nghiệp	Lớp	Ngày nhập học	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Hình thức đào tạo	Thời gian đào tạo	Ngôn ngữ đào tạo	Loại bằng	Số Quyết định	Ngày QĐ (ngày in bằng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
A. Ngành Kinh tế xây dựng																					
I. Sinh viên xét chuẩn đầu ra																					
1	1	18DQ5803010002	Nguyễn Vũ An	Bình	Nam	08/07/2000	Phủ Yên	2.41	125	Trung bình	D18KXI	16/08/2018	Kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng	Đại học	Chính quy	2018 - 2023	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
B. Ngành Kỹ thuật xây dựng																					
I. Sinh viên xét chuẩn đầu ra																					
2	1	18DQ5802010115	Nguyễn Xuân	Sinh	Nam	04/06/2000	Phủ Yên	2.26	143	Trung bình	D18X3	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng	XD dân dụng và công nghiệp	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
C. Ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông																					
I. Sinh viên xét chuẩn đầu ra																					
3	1	17DQ5802050025	Lương Minh	Khôi	Nam	08/04/1999	Phủ Yên	2.20	155	Trung bình	D17CD	29/08/2017	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Xây dựng cầu đường	Đại học	Chính quy	2017 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024
4	2	18DQ5802050009	Phan Thế	Duy	Nam	28/06/1999	Phủ Yên	2.43	145	Trung bình	D18CD1	16/08/2018	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Xây dựng cầu đường	Đại học	Chính quy	2018 - 2022	Tiếng Việt	ĐH- Kỹ sư	603/QĐ-ĐHXDMT	29/07/2024

Tổng số: 4 sinh viên